

Số: 84/2025/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 26 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 136/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: chị **Sơn Thị Ngọc T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: ấp Công Điền, xã VT, thành phố BL, tỉnh BL.

- *Bị đơn*: anh **Đỗ Xuân N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: ấp GT, xã VX, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Sơn Thị Ngọc T và anh Đỗ Xuân N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung Đỗ Xuân L, sinh ngày 04/3/2014 cho anh Đỗ Xuân N tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Đỗ Phương A, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Sơn Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Sơn Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng miễn toàn bộ án phí cho chị Sơn Thị Ngọc T do thuộc diện người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đỗ Xuân N có nghĩa vụ nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TO;
- UBND xã VT, thành phố BL
(GCNKH số 174 quyền I/2013 ngày 16/12/2013);
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Hoàng Phú